

Phụ lục
DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH MỚI BAN HÀNH, ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG VÀ BỊ BÃI BỎ
TRONG LĨNH VỰC VĂN HÓA VÀ MỘT SỐ LĨNH VỰC LIÊN QUAN ĐẾN HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT,
KINH DOANH THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA SỞ VĂN HÓA, THỂ THAO VÀ DU LỊCH
(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày / /2026 của Chủ tịch UBND tỉnh)

I. Danh mục TTHC mới ban hành (01 TTHC)

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Cơ quan thực hiện
1	Thủ tục thu hồi giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành nội địa trong trường hợp doanh nghiệp chấm dứt hoạt động kinh doanh dịch vụ lữ hành, giải thể hoặc phá sản	02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh/cấp xã	Không quy định	- Luật Du lịch ngày 19/6/2017; - Thông tư số 13/2021/TT-BVHTTDL ngày 30/11/2021 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 06/2017/TT-BVHTTDL ngày 15/12/2017 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch; - Thông tư số 04/2024/TT-BVHTTDL ngày 26/6/2024 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 06/2017/TT-BVHTTDL ngày 15/12/2017 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định chi tiết một số điều của Luật Du lịch và Thông tư số 13/2019/TT-BVHTTDL ngày 25/11/2019 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 06/2017/TT-BVHTTDL ngày 15/12/2017 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định chi tiết một số điều của Luật Du lịch;	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch

					- Thông tư số 21/2025/TT-BVHTTDL ngày 26/12/2025 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.	
--	--	--	--	--	---	--

II. Danh mục TTHC được sửa đổi bổ sung (25 TTHC)

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Cơ quan thực hiện
A	LĨNH VỰC VĂN HÓA					
1	Thủ tục cấp giấy phép đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ karaoke (mã TTHC: 1.001029)	10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đầy đủ hồ sơ hợp lệ.	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh/cấp xã	Mức thu phí thẩm định cấp Giấy phép đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ karaoke là 1.000.000 đồng/phòng, nhưng tổng mức thu không quá 6.000.000 đồng/Giấy phép/lần thẩm định.	- Nghị định số 54/2019/NĐ-CP ngày 19/6/2019 của Chính phủ; - Nghị định số 148/2024/NĐ-CP ngày 12/11/2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 54/2019/NĐ-CP ngày 19/6/2019 của Chính phủ; - Thông tư số 110/2025/TT-BTC ngày 19/11/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch
2	Thủ tục cấp giấy phép đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ vũ trường (mã TTHC: 1.001008)	10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đầy đủ hồ sơ hợp lệ.	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh/cấp xã	Mức thu phí thẩm định cấp Giấy phép đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ vũ trường là	- Nghị định số 54/2019/NĐ-CP ngày 19/6/2019 của Chính phủ; - Nghị định số 148/2024/NĐ-CP ngày 12/11/2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 54/2019/NĐ-CP ngày 19/6/2019 của Chính phủ;	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch

				10.000.000 đồng/Giấy phép/lần thẩm định.	- Thông tư số 110/2025/TT-BTC ngày 19/11/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.	
3	Thủ tục cấp giấy phép điều chỉnh Giấy phép đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ karaoke (mã TTHC: 1.000963)	07 ngày, kể từ ngày nhận đầy đủ hồ sơ hợp lệ.	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh/cấp xã	- Giấy phép đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ karaoke đối với trường hợp thay đổi chủ sở hữu: 500.000 đồng/Giấy phép/lần thẩm định. - Giấy phép đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ karaoke đối với trường hợp tăng thêm phòng là 1.000.000 đồng/phòng, nhưng tổng mức thu không quá 6.000.000 đồng/Giấy phép/lần thẩm định.	- Nghị định số 54/2019/NĐ-CP ngày 19/6/2019 của Chính phủ; - Nghị định số 148/2024/NĐ-CP ngày 12/11/2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 54/2019/NĐ-CP ngày 19/6/2019 của Chính phủ; - Thông tư số 110/2025/TT-BTC ngày 19/11/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch
4	Thủ tục cấp giấy phép điều chỉnh Giấy phép đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ	07 ngày, kể từ ngày nhận đầy đủ hồ sơ hợp lệ.	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh/cấp xã	Giấy phép điều chỉnh Giấy phép đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ vũ trường đối với trường hợp thay đổi chủ sở hữu: 500.000	- Nghị định số 54/2019/NĐ-CP ngày 19/6/2019 của Chính phủ; - Nghị định số 148/2024/NĐ-CP ngày 12/11/2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 54/2019/NĐ-CP ngày 19/6/2019 của	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch

	vũ trường (mã TTHC: 1.000922)			đồng/Giấy phép/lần thẩm định.	Chính phủ; - Thông tư số 110/2025/TT-BTC ngày 19/11/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.	
B	LĨNH VỰC THẺ DỤC THỂ THAO					
5	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Taekwondo (1.001195)	05 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh/cấp xã	- Nộp trực tiếp 3.000.000 đồng/Giấy phép - Nộp trực tuyến mức thu: 2.400.000đ/ giấy phép (Quy định tại Điều 18 Chương II Nghị quyết số 24/2024/NQ-HĐND ngày 06/12/2024 của HĐND tỉnh)	- Luật Thể dục, thể thao số 77/2006/QH11 ngày 29/11/2006 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao số 26/2018/QH14 ngày 14/6/2018; - Luật Phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015 của Quốc hội; - Nghị định số 36/2019/NĐ-CP ngày 29/4/2019 quy định chi tiết một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao; - Nghị định số 31/2024/NĐ-CP ngày 15/3/2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 01/2012/NĐ-CP, Nghị định số 61/2016/NĐ-CP và Nghị định số 36/2019/NĐ-CP; - Thông tư số 10/2017/TT-BVHTTDL ngày 29/12/2017 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch; - Nghị quyết số 66.7/2025/NQ-CP ngày 15/11/2025 của Chính phủ; - Thông tư số 21/2025/TT-BVHTTDL ngày 26/12/2025 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao;	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch

					- Nghị quyết số 24/2024/NQ-HĐND ngày 06/12/2024 của HĐND tỉnh Đắk Lắk;	
6	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Karate (1.000904)	05 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh/cấp xã	- Nộp trực tiếp 3.000.000 đồng/Giấy phép - Nộp trực tuyến mức thu: 2.400.000đ/ giấy phép (Quy định tại Điều 18 Chương II Nghị quyết số 24/2024/NQ-HĐND ngày 06/12/2024 của HĐND tỉnh)	- Luật Thể dục, thể thao số 77/2006/QH11 ngày 29/11/2006 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao số 26/2018/QH14 ngày 14/6/2018; - Luật Phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015 của Quốc hội; - Nghị định số 36/2019/NĐ-CP ngày 29/4/2019 quy định chi tiết một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao; - Nghị định số 31/2024/NĐ-CP ngày 15/3/2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 01/2012/NĐ-CP, Nghị định số 61/2016/NĐ-CP và Nghị định số 36/2019/NĐ-CP; - Thông tư số 02/2018/TT-BVHTTDL ngày 19/01/2018 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao; - Nghị quyết số 66.7/2025/NQ-CP ngày 15/11/2025 của Chính phủ; - Thông tư số 21/2025/TT-BVHTTDL ngày 26/12/2025 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch; - Nghị quyết số 24/2024/NQ-HĐND ngày 06/12/2024 của HĐND tỉnh Đắk Lắk.	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch

7	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Judo (1.000842)	05 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh/cấp xã	- Nộp trực tiếp 3.000.000 đồng/Giấy phép - Nộp trực tuyến 2.400.000đ/ giấy phép (Quy định tại Điều 18 Chương II Nghị quyết số 24/2024/NQ-HĐND ngày 06/12/2024 của HĐND tỉnh)	- Luật Thể dục, thể thao số 77/2006/QH11 ngày 29/11/2006 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao số 26/2018/QH14 ngày 14/6/2018; - Luật Phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015 của Quốc hội; - Nghị định số 36/2019/NĐ-CP ngày 29/4/2019 quy định chi tiết một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao; - Nghị định số 31/2024/NĐ-CP ngày 15/3/2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 01/2012/NĐ-CP, Nghị định số 61/2016/NĐ-CP và Nghị định số 36/2019/NĐ-CP; - Thông tư số 09/2018/TT-BVHTTDL ngày 31/01/2018 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch; - Nghị quyết số 66.7/2025/NQ-CP ngày 15/11/2025 của Chính phủ; - Thông tư số 21/2025/TT-BVHTTDL ngày 26/12/2025 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch; - Nghị quyết số 24/2024/NQ-HĐND ngày 06/12/2024 của HĐND tỉnh Đắk Lắk.	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch
8	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh	05 ngày, kể từ ngày nhận đủ	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh/cấp xã	- Nộp trực tiếp 3.000.000 đồng/Giấy phép	- Luật Thể dục, thể thao số 77/2006/QH11 ngày 29/11/2006 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao số 26/2018/QH14 ngày 14/6/2018;	Sở Văn hóa, Thể

	doanh hoạt động thể thao đối với môn Lân sư rồng (2.002188)	hồ sơ hợp lệ		- Nộp trực tuyến 2.400.000đ/ giấy phép (Quy định tại Điều 18 Chương II Nghị quyết số 24/2024/NQ-HĐND ngày 06/12/2024 của HĐND tỉnh)	- Luật Phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015 của Quốc hội; - Nghị định số 36/2019/NĐ-CP ngày 29/4/2019 quy định chi tiết một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao; - Nghị định số 31/2024/NĐ-CP ngày 15/3/2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 01/2012/NĐ-CP, Nghị định số 61/2016/NĐ-CP và Nghị định số 36/2019/NĐ-CP; - Thông tư số 11/2018/TT-BVHTTDL ngày 31/01/2018 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch; - Nghị quyết số 66.7/2025/NQ-CP ngày 15/11/2025 của Chính phủ; - Thông tư số 21/2025/TT-BVHTTDL ngày 26/12/2025 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch; - Nghị quyết số 24/2024/NQ-HĐND ngày 06/12/2024 của HĐND tỉnh Đắk Lắk.	thao và Du lịch
9	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn	05 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh/cấp xã	- Nộp trực tiếp 3.000.000 đồng/Giấy phép - Nộp trực tuyến 2.400.000đ/ giấy phép (Quy định tại Điều 18 Chương II Nghị quyết số 24/2024/NQ-HĐND	- Luật Thể dục, thể thao số 77/2006/QH11 ngày 29/11/2006 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao số 26/2018/QH14 ngày 14/6/2018; - Luật Phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015 của Quốc hội; - Nghị định số 36/2019/NĐ-CP ngày 29/4/2019 quy định chi tiết một số điều của	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch

	Quyền anh (1.000560)			ngày 06/12/2024 của HĐND tỉnh)	Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao; - Nghị định số 31/2024/NĐ-CP ngày 15/3/2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 01/2012/NĐ-CP, Nghị định số 61/2016/NĐ-CP và Nghị định số 36/2019/NĐ-CP; - Thông tư số 13/2018/TT-BVHTTDL ngày 08/02/2018 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch; - Nghị quyết số 66.7/2025/NQ-CP ngày 15/11/2025 của Chính phủ; - Thông tư số 21/2025/TT-BVHTTDL ngày 26/12/2025 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch; - Nghị quyết số 24/2024/NQ-HĐND ngày 06/12/2024 của HĐND tỉnh Đắk Lắk.	
10	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Patin (1.000485)	05 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh/cấp xã	- Nộp trực tiếp 3.000.000 đồng/Giấy phép - Nộp trực tuyến 2.400.000đ/ giấy phép (Quy định tại Điều 18 Chương II Nghị quyết số 08/2023/NQ-HĐND ngày 06/12/2024 của HĐND tỉnh)	- Luật Thể dục, thể thao số 77/2006/QH11 ngày 29/11/2006 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao số 26/2018/QH14 ngày 14/6/2018; - Luật Phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015 của Quốc hội; - Nghị định số 36/2019/NĐ-CP ngày 29/4/2019 quy định chi tiết một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao; - Nghị định số 31/2024/NĐ-CP ngày 15/3/2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch

					một số điều của Nghị định số 01/2012/NĐ-CP, Nghị định số 61/2016/NĐ-CP và Nghị định số 36/2019/NĐ-CP; - Thông tư số 20/2018/TT-BVHTTDL ngày 03/4/2018 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch; - Nghị quyết số 66.7/2025/NQ-CP ngày 15/11/2025 của Chính phủ; - Thông tư số 21/2025/TT-BVHTTDL ngày 26/12/2025 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch; - Nghị quyết số 24/2024/NQ-HĐND ngày 06/12/2024 của HĐND tỉnh Đắk Lắk.	
11	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Wushu (1.005162)	05 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh/cấp xã	- Nộp trực tiếp 3.000.000 đồng/Giấy phép - Nộp trực tuyến 2.400.000đ/ giấy phép (Quy định tại Điều 18 Chương II Nghị quyết số 24/2024/NQ-HĐND ngày 06/12/2024 của HĐND tỉnh)	- Luật Thể dục, thể thao số 77/2006/QH11 ngày 29/11/2006 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao số 26/2018/QH14 ngày 14/6/2018; - Luật Phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015 của Quốc hội; - Nghị định số 36/2019/NĐ-CP ngày 29/4/2019 quy định chi tiết một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao; - Nghị định số 31/2024/NĐ-CP ngày 15/3/2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 01/2012/NĐ-CP, Nghị định số 61/2016/NĐ-CP và Nghị định số 36/2019/NĐ-CP;	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch

					- Thông tư số 29/2018/TT-BVHTTDL ngày 28/9/2018 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch; - Nghị quyết số 66.7/2025/NQ-CP ngày 15/11/2025 của Chính phủ; - Thông tư số 21/2025/TT-BVHTTDL ngày 26/12/2025 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch; - Nghị quyết số 24/2024/NQ-HĐND ngày 06/12/2024 của HĐND tỉnh Đắk Lắk.	
12	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Yoga (1.000953)	05 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh/cấp xã	- Nộp trực tiếp 3.000.000 đồng/Giấy phép - Nộp trực tuyến mức thu: 2.400.000đ/ giấy phép (Quy định tại Điều 18 Chương II Nghị quyết số 24/2024/NQ-HĐND ngày 06/12/2024 của HĐND tỉnh	- Luật Thể dục, thể thao số 77/2006/QH11 ngày 29/11/2006 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao số 26/2018/QH14 ngày 14/6/2018; - Luật Phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015 của Quốc hội; - Nghị định số 36/2019/NĐ-CP ngày 29/4/2019 quy định chi tiết một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao; - Nghị định số 31/2024/NĐ-CP ngày 15/3/2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 01/2012/NĐ-CP, Nghị định số 61/2016/NĐ-CP và Nghị định số 36/2019/NĐ-CP; - Nghị quyết số 66.7/2025/NQ-CP ngày 15/11/2025 của Chính phủ; - Thông tư số 21/2025/TT-BVHTTDL	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch

					ngày 26/12/2025 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch; - Nghị quyết số 24/2024/NQ-HĐND ngày 06/12/2024 của HĐND tỉnh Đắk Lắk.	
13	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Golf (1.000936)	05 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh/cấp xã	- Nộp trực tiếp 3.000.000 đồng/Giấy phép - Nộp trực tuyến mức thu: 2.400.000đ/ giấy phép (Quy định tại Điều 18 Chương II Nghị quyết số 24/2024/NQ-HĐND ngày 06/12/2024 của HĐND tỉnh)	- Luật Thể dục, thể thao số 77/2006/QH11 ngày 29/11/2006 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao số 26/2018/QH14 ngày 14/6/2018; - Luật Phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015 của Quốc hội; - Nghị định số 36/2019/NĐ-CP ngày 29/4/2019 quy định chi tiết một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao; - Nghị định số 31/2024/NĐ-CP ngày 15/3/2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 01/2012/NĐ-CP, Nghị định số 61/2016/NĐ-CP và Nghị định số 36/2019/NĐ-CP; - Nghị quyết số 66.7/2025/NQ-CP ngày 15/11/2025 của Chính phủ; - Thông tư số 21/2025/TT-BVHTTDL ngày 26/12/2025 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch; - Nghị quyết số 24/2024/NQ-HĐND ngày 06/12/2024 của HĐND tỉnh Đắk Lắk.	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch
14	Cấp Giấy chứng nhận đủ	05 ngày kể từ ngày	Trung tâm Phục vụ hành	- Nộp trực tiếp 3.000.000 đồng/Giấy phép.	- Luật Thể dục, thể thao số 77/2006/QH11 ngày 29/11/2006 và Luật sửa đổi, bổ sung	Sở Văn hóa, Thể

	điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Cầu lông (1.000920)	nhận đủ hồ sơ hợp lệ	chính công tỉnh/cấp xã	- Nộp trực tuyến mức thu: 2.400.000đ/ giấy phép (Quy định tại Điều 18 Chương II Nghị quyết số 24/2024/NQ-HĐND ngày 06/12/2024 của HĐND tỉnh)	một số điều của Luật Thể dục, thể thao số 26/2018/QH14 ngày 14/6/2018; - Luật Phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015 của Quốc hội; - Nghị định số 36/2019/NĐ-CP ngày 29/4/2019 quy định chi tiết một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao; - Nghị định số 31/2024/NĐ-CP ngày 15/3/2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 01/2012/NĐ-CP, Nghị định số 61/2016/NĐ-CP và Nghị định số 36/2019/NĐ-CP; - Nghị quyết số 66.7/2025/NQ-CP ngày 15/11/2025 của Chính phủ; - Thông tư số 21/2025/TT-BVHTTDL ngày 26/12/2025 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch; - Nghị quyết số 24/2024/NQ-HĐND ngày 06/12/2024 của HĐND tỉnh Đắk Lắk.	thao và Du lịch
15	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Billiards &	05 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh/cấp xã	- Nộp trực tiếp 3.000.000 đồng/Giấy phép - Nộp trực tuyến mức thu: 2.400.000đ/ giấy phép (Quy định tại Điều 18 Chương II Nghị quyết số 24/2024/NQ-	- Luật Thể dục, thể thao số 77/2006/QH11 ngày 29/11/2006 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao số 26/2018/QH14 ngày 14/6/2018; - Luật Phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015 của Quốc hội; - Nghị định số 36/2019/NĐ-CP ngày 29/4/2019 quy định chi tiết một số điều của	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch

	Snooker (1.000863)			HĐND ngày 06/12/2024 của HĐND tỉnh)	Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao; - Nghị định số 31/2024/NĐ-CP ngày 15/3/2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 01/2012/NĐ- CP, Nghị định số 61/2016/NĐ-CP và Nghị định số 36/2019/NĐ-CP; - Nghị quyết số 66.7/2025/NQ-CP ngày 15/11/2025 của Chính phủ; - Thông tư số 21/2025/TT-BVHTTDL ngày 26/12/2025 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch; - Nghị quyết số 24/2024/NQ-HĐND ngày 06/12/2024 của HĐND tỉnh Đắk Lắk.	
16	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Bóng bàn (1.000847)	05 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh/cấp xã	- Nộp trực tiếp 3.000.000 đồng/Giấy phép - Nộp trực tuyến mức thu: 2.400.000đ/ giấy phép (Quy định tại Điều 18 Chương II Nghị quyết số 24/2024/NQ- HĐND ngày 06/12/2024 của HĐND tỉnh)	- Luật Thể dục, thể thao số 77/2006/QH11 ngày 29/11/2006 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao số 26/2018/QH14 ngày 14/6/2018; - Luật Phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015 của Quốc hội; - Nghị định số 36/2019/NĐ-CP ngày 29/4/2019 quy định chi tiết một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao; - Nghị định số 31/2024/NĐ-CP ngày 15/3/2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 01/2012/NĐ-	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch

					CP, Nghị định số 61/2016/NĐ-CP và Nghị định số 36/2019/NĐ-CP; - Nghị quyết số 66.7/2025/NQ-CP ngày 15/11/2025 của Chính phủ; - Thông tư số 21/2025/TT-BVHTTDL ngày 26/12/2025 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch; - Nghị quyết số 24/2024/NQ-HĐND ngày 06/12/2024 của HĐND tỉnh Đắk Lắk.	
17	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Khiêu vũ thể thao (1.000814)	05 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh/cấp xã	- Nộp trực tiếp 3.000.000 đồng/Giấy phép - Nộp trực tuyến 2.400.000đ/ giấy phép (Quy định tại Điều 18 Chương II Nghị quyết số 24/2024/NQ-HĐND ngày 06/12/2024 của HĐND tỉnh	- Luật Thể dục, thể thao số 77/2006/QH11 ngày 29/11/2006 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao số 26/2018/QH14 ngày 14/6/2018; - Luật Phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015 của Quốc hội; - Nghị định số 36/2019/NĐ-CP ngày 29/4/2019 quy định chi tiết một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao; - Nghị định số 31/2024/NĐ-CP ngày 15/3/2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 01/2012/NĐ-CP, Nghị định số 61/2016/NĐ-CP và Nghị định số 36/2019/NĐ-CP; - Nghị quyết số 66.7/2025/NQ-CP ngày 15/11/2025 của Chính phủ; - Thông tư số 21/2025/TT-BVHTTDL ngày 26/12/2025 của Bộ trưởng Bộ Văn	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch

					hóa, Thể thao và Du lịch; - Nghị quyết số 24/2024/NQ-HĐND ngày 06/12/2024 của HĐND tỉnh Đắk Lắk.	
18	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Thể dục thẩm mỹ (1.000644)	05 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh/cấp xã	- Nộp trực tiếp 3.000.000 đồng/Giấy phép - Nộp trực tuyến 2.400.000đ/ giấy phép (Quy định tại Điều 18 Chương II Nghị quyết số 24/2024/NQ-HĐND ngày 06/12/2024 của HĐND tỉnh)	- Luật Thể dục, thể thao số 77/2006/QH11 ngày 29/11/2006 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao số 26/2018/QH14 ngày 14/6/2018; - Luật Phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015 của Quốc hội; - Nghị định số 36/2019/NĐ-CP ngày 29/4/2019 quy định chi tiết một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao; - Nghị định số 31/2024/NĐ-CP ngày 15/3/2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 01/2012/NĐ-CP, Nghị định số 61/2016/NĐ-CP và Nghị định số 36/2019/NĐ-CP; - Nghị quyết số 66.7/2025/NQ-CP ngày 15/11/2025 của Chính phủ; - Thông tư số 21/2025/TT-BVHTTDL ngày 26/12/2025 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch; - Nghị quyết số 24/2024/NQ-HĐND ngày 06/12/2024 của HĐND tỉnh Đắk Lắk.	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch
19	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh	05 ngày, kể từ ngày nhận đủ	Trung tâm Phục vụ hành	- Nộp trực tiếp 3.000.000 đồng/Giấy phép	- Luật Thể dục, thể thao số 77/2006/QH11 ngày 29/11/2006 và Luật sửa đổi, bổ sung	Sở Văn hóa, Thể

	doanh hoạt động thể thao đối với môn Thể dục thể hình và Fitness (1.005163)	hồ sơ hợp lệ	chính công tỉnh/cấp xã	- Nộp trực tuyến 2.400.000đ/ giấy phép (Quy định tại Điều 18 Chương II Nghị quyết số 24/2024/NQ-HĐND ngày 06/12/2024 của HĐND tỉnh)	một số điều của Luật Thể dục, thể thao số 26/2018/QH14 ngày 14/6/2018; - Luật Phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015 của Quốc hội; - Nghị định số 36/2019/NĐ-CP ngày 29/4/2019 quy định chi tiết một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao; - Nghị định số 31/2024/NĐ-CP ngày 15/3/2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 01/2012/NĐ-CP, Nghị định số 61/2016/NĐ-CP và Nghị định số 36/2019/NĐ-CP; - Nghị quyết số 66.7/2025/NQ-CP ngày 15/11/2025 của Chính phủ; - Thông tư số 21/2025/TT-BVHTTDL ngày 26/12/2025 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch; - Nghị quyết số 24/2024/NQ-HĐND ngày 06/12/2024 của HĐND tỉnh Đắk Lắk.	thao và Du lịch
20	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Võ đạo thể	05 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh/cấp xã	- Nộp trực tiếp 3.000.000 đồng/Giấy phép - Nộp trực tuyến 2.400.000đ/ giấy phép (Quy định tại Điều 18 Chương II Nghị quyết số 24/2024/NQ-HĐND	- Luật Thể dục, thể thao số 77/2006/QH11 ngày 29/11/2006 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao số 26/2018/QH14 ngày 14/6/2018; - Luật Phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015 của Quốc hội; - Nghị định số 36/2019/NĐ-CP ngày 29/4/2019 quy định chi tiết một số điều của	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch

	thao giải trí (1.000594)			ngày 06/12/2024 của HĐND tỉnh)	Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao; - Nghị định số 31/2024/NĐ-CP ngày 15/3/2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 01/2012/NĐ-CP, Nghị định số 61/2016/NĐ-CP và Nghị định số 36/2019/NĐ-CP; - Nghị quyết số 66.7/2025/NQ-CP ngày 15/11/2025 của Chính phủ; - Thông tư số 21/2025/TT-BVHTTDL ngày 26/12/2025 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch; - Nghị quyết số 24/2024/NQ-HĐND ngày 06/12/2024 của HĐND tỉnh Đắk Lắk.	
21	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Bóng đá (1.000518)	05 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh/cấp xã	- Nộp trực tiếp 3.000.000 đồng/Giấy phép - Nộp trực tuyến 2.400.000đ/ giấy phép (Quy định tại Điều 18 Chương II Nghị quyết số 24/2024/NQ-HĐND ngày 06/12/2024 của HĐND tỉnh)	- Luật Thể dục, thể thao số 77/2006/QH11 ngày 29/11/2006 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao số 26/2018/QH14 ngày 14/6/2018; - Luật Phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015 của Quốc hội; - Nghị định số 36/2019/NĐ-CP ngày 29/4/2019 quy định chi tiết một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao; - Nghị định số 31/2024/NĐ-CP ngày 15/3/2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 01/2012/NĐ-	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch

					CP, Nghị định số 61/2016/NĐ-CP và Nghị định số 36/2019/NĐ-CP; - Nghị quyết số 66.7/2025/NQ-CP ngày 15/11/2025 của Chính phủ; - Thông tư số 21/2025/TT-BVHTTDL ngày 26/12/2025 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch; - Nghị quyết số 24/2024/NQ-HĐND ngày 06/12/2024 của HĐND tỉnh Đắk Lắk.	
22	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Quần vợt (1.000501)	05 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh/cấp xã	- Nộp trực tiếp 3.000.000 đồng/Giấy phép - Nộp trực tuyến 2.400.000đ/ giấy phép (Quy định tại Điều 18 Chương II Nghị quyết số 24/2024/NQ-HĐND ngày 06/12/2024 của HĐND tỉnh)	- Luật Thể dục, thể thao số 77/2006/QH11 ngày 29/11/2006 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao số 26/2018/QH14 ngày 14/6/2018; - Luật Phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015 của Quốc hội; - Nghị định số 36/2019/NĐ-CP ngày 29/4/2019 quy định chi tiết một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao; - Nghị định số 31/2024/NĐ-CP ngày 15/3/2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 01/2012/NĐ-CP, Nghị định số 61/2016/NĐ-CP và Nghị định số 36/2019/NĐ-CP; - Nghị quyết số 66.7/2025/NQ-CP ngày 15/11/2025 của Chính phủ; - Thông tư số 21/2025/TT-BVHTTDL ngày 26/12/2025 của Bộ trưởng Bộ Văn	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch

					hóa, Thể thao và Du lịch; - Nghị quyết số 24/2024/NQ-HĐND ngày 06/12/2024 của HĐND tỉnh Đắk Lắk.	
23	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Bóng ném (1.001500)	05 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh/cấp xã	- Nộp trực tiếp 3.000.000 đồng/Giấy phép - Nộp trực tuyến 2.400.000đ/ giấy phép (Quy định tại Điều 18 Chương II Nghị quyết số 24/2024/NQ-HĐND ngày 06/12/2024 của HĐND tỉnh)	- Luật Thể dục, thể thao số 77/2006/QH11 ngày 29/11/2006 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao số 26/2018/QH14 ngày 14/6/2018; - Luật Phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015 của Quốc hội; - Nghị định số 36/2019/NĐ-CP ngày 29/4/2019 quy định chi tiết một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao; - Nghị định số 31/2024/NĐ-CP ngày 15/3/2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 01/2012/NĐ-CP, Nghị định số 61/2016/NĐ-CP và Nghị định số 36/2019/NĐ-CP; - Nghị quyết số 66.7/2025/NQ-CP ngày 15/11/2025 của Chính phủ; - Thông tư số 21/2025/TT-BVHTTDL ngày 26/12/2025 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch; - Nghị quyết số 24/2024/NQ-HĐND ngày 06/12/2024 của HĐND tỉnh Đắk Lắk.	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch
24	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh	05 ngày, kể từ ngày nhận đủ	Trung tâm Phục vụ hành	- Nộp trực tiếp 3.000.000 đồng/Giấy phép	- Luật Thể dục, thể thao số 77/2006/QH11 ngày 29/11/2006 và Luật sửa đổi, bổ sung	Sở Văn hóa, Thể

	doanh hoạt động thể thao đối với môn Bóng rổ (1.001527)	hồ sơ hợp lệ	chính công tỉnh/cấp xã	- Nộp trực tuyến 2.400.000đ/ giấy phép (Quy định tại Điều 18 Chương II Nghị quyết số 24/2024/NQ-HĐND ngày 06/12/2024 của HĐND tỉnh)	một số điều của Luật Thể dục, thể thao số 26/2018/QH14 ngày 14/6/2018; - Luật Phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015 của Quốc hội; - Nghị định số 36/2019/NĐ-CP ngày 29/4/2019 quy định chi tiết một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao; - Nghị định số 31/2024/NĐ-CP ngày 15/3/2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 01/2012/NĐ- CP, Nghị định số 61/2016/NĐ-CP và Nghị định số 36/2019/NĐ-CP; - Nghị quyết số 66.7/2025/NQ-CP ngày 15/11/2025 của Chính phủ; - Thông tư số 21/2025/TT-BVHTTDL ngày 26/12/2025 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch; - Nghị quyết số 24/2024/NQ-HĐND ngày 06/12/2024 của HĐND tỉnh Đắk Lắk.	thao và Du lịch
C	LĨNH VỰC DU LỊCH					
25	Thủ tục cấp giấy chứng nhận khóa cập nhật kiến thức cho hướng dẫn viên du	05 ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc khóa cập	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh/cấp xã	Không quy định	- Luật Du lịch ngày 19/6/2017; - Thông tư số 06/2017/TT-BVHTTDL ngày 15/12/2017 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định chi tiết một số điều của Luật Du lịch; - Thông tư số 04/2024/TT-BVHTTDL ngày 26/6/2024 của Bộ trưởng Bộ Văn	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch

	lịch nội địa và hướng dẫn viên du lịch quốc tế (1.004605)	nhật kiến thức			hóa, Thể thao và Du lịch sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 06/2017/TT-BVHTTDL ngày 15/12/2017 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định chi tiết một số điều của Luật Du lịch và Thông tư số 13/2019/TT-BVHTTDL ngày 25/11/2019 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 06/2017/TT-BVHTTDL ngày 15/12/2017 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định chi tiết một số điều của Luật Du lịch; - Thông tư số 21/2025/TT-BVHTTDL ngày 26/12/2025 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.	
--	---	----------------	--	--	--	--

III. Danh mục TTHC bị bãi bỏ (03 TTHC)

STT	Mã thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Tên VBQPPL quy định việc bãi bỏ thủ tục hành chính	Ghi chú
1	2.001611	Thủ tục thu hồi giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành nội địa trong trường hợp doanh nghiệp chấm dứt hoạt động kinh doanh dịch vụ lữ hành	Thông tư số 21/2025/TT-BVHTTDL ngày 26/12/2025 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Số thứ tự 97 Mục C Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định số 3273/QĐ-UBND ngày 27/12/2024 của Chủ tịch UBND tỉnh
2	2.001589	Thủ tục thu hồi giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành nội địa trong trường hợp	Thông tư số 21/2025/TT-BVHTTDL ngày 26/12/2025 của Bộ	Số thứ tự 98 Mục C Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định số 3273/QĐ-UBND

		doanh nghiệp giải thể	trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch	ngày 27/12/2024 của Chủ tịch UBND tỉnh
3	1.003742	Thủ tục thu hồi giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành nội địa trong trường hợp doanh nghiệp phá sản	Thông tư số 21/2025/TT-BVHTTDL ngày 26 tháng 12 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Số thứ tự 99 Mục C Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định số 3273/QĐ-UBND ngày 27/12/2024 của Chủ tịch UBND tỉnh